

Bản án số: 81 /2022/DS-ST

Ngày: 29/6/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Đăng Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trọng

Bà Nguyễn Thị Hà

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Minh Vương - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 24/2022/TLST-DS ngày 09/3/2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐST - DS ngày 31/5/2022; Quyết định hoãn số 36/2022/QĐST-DS ngày 16/6/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đào Thị H, sinh năm 1955; địa chỉ: Số nhà 39, ngõ 192, đường Đ, phường Đ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.(Có mặt

- **Bị đơn:** Ông Ngô Văn C, sinh năm 1975; Bà Bùi Thị M, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm 9, thôn L, xã H, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.Đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị M: ông Ngô Văn C, sinh năm 1975. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử Nguyên đơn- trình bày:**

Ông Ngô Văn C, bà Bùi Thị M đã vay bà Đào Thị H 160.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 14/3/2015. Ông C, bà M đã trả được 50.000.000 đồng ngày 19/01/2021, trả thêm 40.000.000đ ngày 23/4/2022.

Bà Đào Thị H yêu cầu ông C, bà M phải trả số tiền còn nợ theo Giấy vay tiền ngày 14/3/2015 gồm: số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng; số tiền lãi theo quy định pháp luật.

*** Tại Bản tự khai và trong quá trình xét xử Bị đơn – ông C, bà M**

trình bày: Ông C, bà M xác nhận có vay tiền bà H theo Giấy vay tiền ngày 14/3/2015, số tiền vay là 160.000.000 đồng; đã trả được 50.000.000 đồng ngày 19/01/2021, trả thêm 40.000.000đ ngày 23/4/2022.

Nay ông C, bà M xin bà H cho trả cả gốc và lãi là 130.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn – bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông C, bà M có vay bà H số tiền 160.000.000đồng theo Giấy vay tiền ngày 14/3/2015; ông C, bà M đã trả bà H được 50.000.000 đồng ngày 05/01/2017; ngày 19/01/2021, trả thêm 40.000.000đ ngày 23/4/2022; ông C, bà M còn nợ bà H số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chương Mỹ thể hiện quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.1]. Về thẩm quyền: Bà H có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bên bị kiện là ông C, bà M có địa chỉ tại Xóm 9, thôn Lưu Xá, xã Hòa Chính, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về áp dụng luật nội dung: Thời điểm ký kết Hợp đồng vay tài sản là ngày 14/3/2015, nên cần phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện: Thời điểm ký kết Hợp đồng vay tài sản là ngày 14/3/2015. Đến ngày 19/01/2021 hai bên chốt nợ và cam kết trả nợ nên thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 19/01/2021. Ngày 10/12/2021, bà H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà H về việc giải quyết tranh chấp Hợp đồng vay tài sản còn thời hiệu khởi kiện.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. **Xét tính pháp lý của Giấy vay tiền:** Ngày 14/3/2015, ông C và bà M đã viết Giấy vay tiền thể hiện nội dung vay tiền của bà H số tiền 160.000.000 đồng, ông C, bà M có ký nhận bên người vay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông C, bà M xác nhận Giấy vay tiền ngày 14/3/2015 là đúng.

Xét tính pháp lý của Giấy vay tiền ngày 14/3/2015 trên được các bên cùng

xác nhận ký kết trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với Điều 401, 402, 405, 471 Bộ luật dân sự năm 2005 nên có hiệu lực thi hành.

[2.2]. Nghĩa vụ trả nợ theo Giấy vay tiền ngày 14/3/2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C bà M đã không trả nợ cho bà H. Ngày 31/01/2018, ông C, bà M đã viết Giấy khát nợ. Ngày 19/01/2021, ông C, bà M tiếp tục viết giấy xác nhận đã vay bà H số tiền 160.000.000 đồng, đã trả được 50.000.000 đồng, còn nợ 110.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải, ông C, bà M và bà H đã thống nhất xác nhận: Ông C, bà M có vay bà H số tiền 160.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 14/3/2015; ông C, bà M đã trả bà H được 50.000.000 đồng ngày 05/01/2017; ngày 19/01/2021, trả thêm 40.000.000đ ngày 23/4/2022; ông C, bà M còn nợ bà H số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng.

Do đó ông C, bà M phải có trách nhiệm trả bà H số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Bà H yêu cầu ông C, bà M phải trả lãi theo quy định pháp luật.

Theo thỏa thuận tại Giấy vay tiền ngày 14/3/2015 thì lãi suất là 2%/tháng. Mức lãi suất hai bên thỏa thuận là vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố theo quy định tại khoản 1 Điều 476 BLDS năm 2005 nên không được chấp nhận. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 476 BLDS năm 2005 thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%.

Do đó, ông C, bà M phải trả tiền lãi như sau:

Từ ngày 14/3/2015 đến ngày 05/01/2017 là 21 tháng 22 ngày (tức 663 ngày):
 $160.000.000đ \times 9\%/năm \times 663 \text{ ngày} = 26.520.000 \text{ đồng}.$

Từ ngày 05/01/2017 đến ngày 19/01/2021 là 48 tháng 14 ngày (tức 1475 ngày):
 $110.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/năm \times 1475 \text{ ngày} = 40.562.500 \text{ đồng}.$

Từ ngày 19/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (29/6/2022) là 17 tháng 10 ngày (tức 526 ngày):
 $70.000.000đ \times 9\%/năm \times 526 \text{ ngày} = 9.205.000 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền lãi ông C, bà M phải trả bà H là: $26.520.000 \text{ đồng} + 40.562.500 \text{ đồng} + 9.205.000 \text{ đồng} = 76.287.500 \text{ đồng}.$

Tổng gốc và lãi ông C, bà M phải trả bà H là: $70.000.000đ + 76.287.500 \text{ đồng} = 146.287.500 \text{ đồng}.$

[3] **Về nghĩa vụ chịu án phí:** Ông C, bà M phải nộp 7.314.375 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 401, 402, 405, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1

điều 147, điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị H về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản với ông Ngô Văn C, bà Bùi Thị M.

2. Ông Ngô Văn C, bà Bùi Thị M có nghĩa vụ trả Đào Thị H tổng số tiền còn nợ theo Giấy vay tiền ngày 14/3/2015 tính đến ngày 16/6/2022 là: 146.287.500 đồng, trong đó nợ gốc là 70.000.000 đồng, số tiền nợ lãi là 76.287.500 đồng.

Kể từ ngày 17/6/2022, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Án phí: Ông C, bà M phải nộp 7.314.375 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- THA huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Vương Đăng Khoa

Nơi nhân:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- THA huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Vương Đăng Khoa

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhân:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- THA huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Vương Đăng Khoa